

Số: *128* /KH-BCĐ

Hòa Bình, ngày *22* tháng 01 năm 2018

KẾ HOẠCH

Xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2018

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”; Hướng dẫn số 822/BCĐQG-XHHT ngày 30/01/2013 của Ban chỉ đạo Quốc gia xây dựng xã hội học tập về việc triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”; Kế hoạch số 46/KH-UBND, ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình về Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020 tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC);

Căn cứ Kế hoạch 102-KH/TU ngày 05/7/2017 của Tỉnh ủy Hòa Bình tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; tăng cường phân luồng sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn;

Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng xã hội học tập (XHHT) và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) năm 2018, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2017

I. Công tác xây dựng xã hội học tập

1. Kết quả đạt được

1.1. Mục tiêu 1: Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

- Số người trong độ tuổi 15 - 60 biết chữ mức độ 1: 597.032/599.398 người, tỉ lệ 99.6%; biết chữ mức độ 2: 587.153/599.398 người, tỉ lệ 97.95%.

- 210/210 xã, phường, thị trấn tiếp tục duy trì củng cố kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ theo kế hoạch. 11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, PCGD tiểu học mức độ 3, PCGD trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2.

1.2. Mục tiêu 2: Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

- Tin học (trình độ A trở lên): Toàn tỉnh hiện có 32.224/36.781 cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tin học A trở lên, chiếm tỷ lệ trên 87.6% (vượt 7.6% so với Quyết định 89/QĐ-TTg).

- Ngoại ngữ: Toàn tỉnh hiện có 8139/36.781 cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (*trình độ 2*), chiếm 22.1% (vượt 2.1% so với Quyết định 89/QĐ-TTg) và có 885/36.781 cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (*trình độ B1*), chiếm 2.4% (theo Quyết định 89/QĐ-TTg đến năm 2020 phải đạt 20%).

1.3. Mục tiêu 3: Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn

- *Đối với cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện.*

+ Có 21.452/21.452 cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh và cấp huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định, đạt 100%.

+ Có 5278/5278 cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định, đạt 100%.

+ Có 20.751/20.751 cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc hàng năm đạt 100%.

- *Đối với cán bộ, công chức cấp xã.*

+ Có 6.132/6.132 cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý điều hành theo vị trí công việc, đạt 100%.

+ Có 6.204/6.132 cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định, đạt 99.5%.

+ Có 5486/5486 công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm, đạt 100%.

- *Đối với lao động nông thôn*

Có 308.372/455.210 người lao động nông thôn tham gia học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng, đạt 67.7%.

- *Đối với công nhân lao động*

+ Có 44.281/48.579 công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương, đạt 91.1%.

+ Có 20.721/22.026 công nhân có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn, đạt 94.0%.

+ Có 72.681/77.561 công nhân qua đào tạo nghề, đạt 93.7%.

1.4. Mục tiêu 4. Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn

Năm 2017, với hình thức dạy kỹ năng sống qua môn học, qua các chuyên đề, hoạt động ngoài giờ lên lớp đã thu hút 191.372 học sinh, sinh viên tham gia, đạt 95.7%.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Việc tự học, tự bồi dưỡng để tự hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong cán bộ, nhân dân còn hạn chế, bản thân người học còn thụ động và chưa tích cực.

- Nhu cầu người lao động cần được đào tạo, học tập nâng cao trình độ ngày càng cao nhưng điều kiện của GDTX chưa đáp ứng hết nhu cầu; quy mô, cơ sở vật chất nhỏ, thiếu trang thiết bị và kinh phí thực hiện.

- TTHTCĐ là trường học của nhân dân lao động, là cơ sở thiết yếu để xây dựng xã hội học tập. Tuy nhiên hiện nay nhiều TTHTCĐ chưa có cơ sở độc lập. Hiệu quả của một số TTHTCĐ chưa cao, nội dung hoạt động chưa đa dạng.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2, bậc 3 còn thấp so với Quyết định 89/QĐ-TTg.

II. Công tác phổ cập giáo dục

1. Kết quả đạt được

1.1. Phổ cập mẫu giáo mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Số trẻ em 5 tuổi đến lớp, đạt 100% (giữ vững so với 2016, vượt 5% so với yêu cầu Nghị định 20);

- Số trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, đạt 100% (giữ vững so với 2016, vượt 15% so với yêu cầu Nghị định 20).

- Số trẻ 5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục 50/50 cháu, đạt 100%.

- Các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất đều đạt chuẩn theo quy định.

- Toàn tỉnh có 210/210 xã, phường, thị trấn và 11 huyện, thành phố đạt chuẩn về PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi tại thời điểm tháng 12 năm 2017.

1.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 16.319/16.319 em, đạt tỉ lệ 100%.

- Số học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 12.347/12.663, đạt 97.5%. Số còn lại 316 cháu đang học tiểu học, chiếm 2.5%.

- Số người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt 743/753, đạt 98.64%.

- Các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất đều đạt chuẩn theo quy định.

- Toàn tỉnh có 210/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 100%; 11/11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 100%. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

1.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Số thanh thiếu niên 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS: 41.475/43.245, đạt tỷ lệ 95.9%;

- Số thanh niên, thiếu niên 15 đến 18 tuổi đang học chương trình GDPT, GDTX, GDNN: 36.078/43.245, đạt 83.4%.

- Số người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt 475/475, đạt 100%.

- Các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất đều đạt chuẩn theo quy định.

- Năm 2017, toàn ngành đã mở được 2 lớp bổ túc THCS với 20 HV.

- Toàn tỉnh có 210/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, đạt tỷ lệ 100%; trong đó có 1 xã đạt chuẩn mức độ 1, chiếm 0.47%; có 53 xã đạt chuẩn mức độ 2, chiếm 25.25%; có 156 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 3, chiếm 74.28%; 9/11 huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, đạt tỷ lệ 81.8%; có 2/11 huyện, thành phố đạt chuẩn mức độ 3, chiếm 18.2%. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2.

1.4. Xóa mù chữ

- Độ tuổi 15-35 biết chữ mức độ 1: 313.828/313.546 người, đạt tỉ lệ 99.91%; biết chữ mức độ 2: 312.464/313.546 người, tỉ lệ 99,57%.

- Độ tuổi 15 đến 60 biết chữ mức độ 1: 597.040/599.406 người, đạt tỉ lệ 99.61%; biết chữ mức độ 2: 583.006/599.406 người, tỉ lệ 97.26%.

- Năm 2017, toàn ngành đã mở được 9 lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ với 187 học viên.

- Toàn tỉnh có 209/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2, đạt tỷ lệ 99.5%, trong đó có 1 xã đạt mức độ 1, chiếm 0.5%. 11/11 huyện, thành phố đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2, đạt tỷ lệ 100%. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Một số thành viên Ban chỉ đạo XD XHHT&PCGD do phải kiêm nhiệm nhiều công việc ở các cương vị lãnh đạo nên có nơi, có lúc việc chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác PCGD, XMC chưa thường xuyên.

- Một số cán bộ, giáo viên làm công tác phổ cập giáo dục chưa có nhiều kinh nghiệm về công tác điều tra, đăng nhập Hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm, số liệu còn phải rà soát lại nhiều lần.

- Thời gian Bộ GD&ĐT mở hệ thống thông tin điện tử PCGD, XMC cho các tỉnh còn ít (01 tháng) và bị động dẫn đến các địa phương triển khai thực hiện rất khó khăn.

- Tỷ lệ đạt chuẩn PCGD, XMC ở một số xã còn thấp, có nguy cơ giảm mức độ đạt chuẩn như xã Hang Kia của huyện Mai Châu, xã Ngòi Hoa của huyện Tân Lạc, xã Tiến Sơn của huyện Lương Sơn ...

- Toàn tỉnh vẫn còn 2366 người mù chữ mức độ 1, chiếm 0,39 %; có 16.400 người mù chữ mức độ 2 chiếm 2.74%.

B. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC NĂM 2018

I. Kế hoạch xây dựng xã hội học tập

1. Mục tiêu

1.1. Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

- 99.9% trở lên người trong độ tuổi 15 - 60 biết chữ mức độ 1 (hoàn thành lớp 3) và 97% trở lên người biết chữ mức độ 2 (hoàn thành lớp 5).
- 86% số người mới biết chữ tiếp tục học tập và không tái mù chữ trở lại.
- 100% xã, phường, thị trấn và 100% huyện, thành phố củng cố vững chắc kết quả đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD tiểu học, PCGD trung học cơ sở, xóa mù chữ.

1.2. Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trên 88% cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm (có trình độ tin A trở lên).
- Trên 24% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) và 3% có trình độ bậc 3 (B1).

1.3. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn

- Đối với cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện: 100% được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định. 100% cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định. 100% cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc.
- Đối với cán bộ công chức cấp xã: 100% cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý điều hành theo vị trí công việc. Trên 99% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định. 100% công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm.
- Đối với lao động nông thôn: Trên 68% lao động nông thôn tham gia học tập kiến thức, kỹ năng, chuyên giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng.
- Đối với công nhân lao động: Trên 92% công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương; tăng tỷ lệ lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn lên trên 95%; Trên 94% công nhân qua đào tạo nghề.

1.4. Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn

Tăng dần tỷ lệ học sinh, sinh viên và người lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống để xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng

đồng ngày càng hạnh phúc hơn. Trong đó phần đầu trên 96% học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Đối với Ban chỉ đạo cấp tỉnh

- Kiện toàn kịp thời Ban chỉ đạo, Ban thư ký xây dựng XHHT&PCGD khi có sự thay đổi thành viên. Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền ban hành chỉ thị, nghị quyết, kết luận về công tác xây dựng XHHT. Xây dựng và tích cực triển khai quy chế phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội; tăng cường kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất ở tất cả các cấp. Tổ chức họp rút kinh nghiệm chỉ đạo, sơ kết đánh giá kết quả và triển khai các nhiệm vụ tiếp theo của kế hoạch xây dựng XHHT.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, vai trò và lợi ích của học tập suốt đời - xây dựng xã hội học tập. Tổ chức các hình thức tuyên truyền về sự cần thiết, các giải pháp, kinh nghiệm và thành tích đạt được trong xây dựng XHHT trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các nhà trường, cơ quan, doanh nghiệp, khu dân cư, qua các hội nghị, hội thảo, website, tờ rơi, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu ... Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình học tập, dòng họ học tập, đơn vị học tập, cộng đồng học tập; chỉ đạo tổ chức Tuần lễ giáo dục cho mọi người (tháng 4/2018), Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời (tháng 10/2018) ở các địa phương.

- Tổ chức các hình thức hoạt động học tập suốt đời trong các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường. Tiếp tục phát huy vai trò các phương tiện thông tin đại chúng: Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tham gia thực hiện các chương trình giáo dục từ xa, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về các lĩnh vực của khoa học và đời sống; phát huy vai trò các thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá triển khai thực hiện các hoạt động học tập suốt đời.

- Cùng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời của người dân. Phát triển bền vững mô hình TTHTCĐ tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn nhằm thực hiện các chương trình xóa mù chữ, các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, y tế, sức khỏe cộng đồng, chính trị, pháp luật, văn hóa,... đáp ứng yêu cầu học học tập đa dạng của cộng đồng dân cư. Nâng cao chất lượng, năng lực, đa dạng hóa nội dung chương trình hoạt động trong việc biên soạn tài liệu, học liệu, tổ chức dạy tin học, ngoại ngữ, dạy nghề của các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học; phát huy vai trò các cơ sở giáo dục chính quy trong việc tổ chức dạy kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên góp phần xây dựng XHHT.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng xã hội học tập. Quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các tổ chức và cá nhân, cơ chế tham gia, phối hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp đối với học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

- Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện “Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình” tại các huyện, thành phố.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng xã hội học tập tại các huyện, thành phố.

- Chỉ đạo các huyện, thành phố thực hiện kinh phí phục vụ công tác xây dựng XHHT theo Công văn số 1369/VPUBND-TCTM ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình.

2.2 Đối với Ban chỉ đạo cấp huyện

** Ban chỉ đạo cấp huyện*

- Thông tin tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, vai trò và lợi ích của học tập suốt đời góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Tham mưu với huyện ủy, thành ủy, UBND huyện, thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo công tác xây dựng xã hội học tập.

- Chỉ đạo công tác tổng điều tra số liệu xã hội học tập tại các địa phương vào thời điểm tháng 9 năm 2018.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ xây dựng XHHT năm 2018.

- Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện “Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình” tại các xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức thực hiện tốt Tuần lễ học tập suốt đời (tháng 10/2018) nhằm tuyên truyền và huy động các nguồn lực cho công tác xây dựng xã hội học tập.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng xã hội học tập tại các xã, phường, thị trấn.

- Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện, thành phố tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý tham gia bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động.

- Phối hợp với các khu công nghiệp, khu chế xuất đào tạo nghề cho công nhân và nâng cao trình độ học vấn THPT hoặc tương đương cho công nhân.

- Triển khai các biện pháp hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập suốt đời. Tham mưu, thực hiện chính sách hỗ trợ cho người học thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc, phụ nữ, ... theo địa bàn, đặc biệt là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

- Tổ chức biên soạn các tài liệu học tập và cơ sở dữ liệu, nhất là hệ thống học liệu về các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, y tế, văn hoá, pháp luật, môi trường. Đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá trong việc tổ chức thực hiện các chương trình học tập không chính quy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, năng lực tự học, vận dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm sẵn có của người học.

** Phòng Giáo dục và Đào tạo*

- Chủ động tham mưu cho UBND cấp huyện triển khai thực hiện kinh phí phục vụ công tác xây dựng XHHT năm 2018 theo Công văn số 1369/VPUBND-TCTM ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng XHHT tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2012-2020.

- Đánh giá thực trạng trình độ tin học, ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phòng GD&ĐT và các trường THCS, Tiểu học, Mầm non để xây dựng kế hoạch cử đi học nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ.

- Rà soát trình độ chuyên môn theo vị trí việc làm, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên đi học tập nâng cao trình độ đạt chuẩn và vượt chuẩn; tham gia chế độ bồi dưỡng thường xuyên và các kỳ bồi dưỡng khác của các bậc học.

- Chỉ đạo các trường THCS, Tiểu học, Mầm non dạy học kỹ năng sống cho học sinh.

- Chỉ đạo các Trung tâm học tập cộng đồng tổ chức các chuyên đề học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất, dạy nghề cho lao động nông thôn; tổ chức dạy kỹ năng sống cho người lao động.

- Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng xã hội học tập về Sở GD&ĐT theo quy định.

** Các đơn vị, trường học trực thuộc Sở GD&ĐT*

- Tổ chức dạy kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

- Cử cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị, trường học tham gia học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ; đào tạo đạt chuẩn và vượt chuẩn; tham gia chế độ bồi dưỡng bắt buộc ...

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp tổ chức các lớp dạy nghề, các chuyên đề học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất cho lao động nông thôn; tổ chức các lớp tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Trung tâm Kỹ thuật, tổng hợp, hướng nghiệp – Ngoại ngữ, tin học và các trường Chuyên nghiệp tổ chức các lớp dạy nghề cho người lao động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Báo cáo kết quả cán bộ, giáo viên được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ; học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống về cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cấp huyện (phòng GD&ĐT).

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí được phê duyệt tại Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình; được thẩm định về nguồn ngân sách, nội dung chi, mức chi tại Công văn số 1066/SKHĐT-VX ngày 13/8/2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 1748/STC-HCSN ngày 06/8/2013 của Sở Tài chính; Công văn số 1369/VPUBND-TCTM ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng XHHT tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2012-2020.

3.1. Kinh phí hỗ trợ thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước, sử dụng trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành, năm 2018:

- Tại Sở GD&ĐT:

+ Các hoạt động tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập (Tổ chức Tuần lễ học tập suốt đời, Hội thi tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập ...).

+ Đào tạo, bồi dưỡng (tập huấn đội ngũ cán bộ, giáo viên các cơ sở GDTX; tập huấn kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, học viên ...).

+ Hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh (Kiểm tra, đánh giá, thi đua, khen thưởng, sơ kết, tổng kết ...).

- Tại phòng GD&ĐT:

+ Các hoạt động tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập;

+ Biên tập, cung cấp tài liệu cho các TTHTCĐ xã, phường, thị trấn;

+ Đào tạo, bồi dưỡng (tập huấn đội ngũ cán bộ, GV các cơ sở GDTX; tập huấn kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, học viên ...);

+ Hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp (Kiểm tra, đánh giá, thi đua, khen thưởng, sơ kết, tổng kết ...).

- Tại các đơn vị trường học trực thuộc Sở GD&ĐT:

Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị để bố trí nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị; tổ chức bồi dưỡng kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

3.2. Kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa giáo dục.

3.3. Nguồn kinh phí được lồng ghép qua kinh phí hoạt động thường xuyên và kinh phí thực hiện các chương trình, dự án đã và đang thực hiện.

II. Kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

1. Mục tiêu

1.1. Phổ cập mẫu giáo mầm non cho trẻ 5 tuổi

a) Tiêu chuẩn

Huy động 100% số trẻ em trong độ tuổi 5 tuổi ra lớp và được học 2 buổi/ngày. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Số người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt 90%.

b) Điều kiện đạt chuẩn

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ PGCD mầm non cho trẻ em 5 tuổi đều đạt theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

- Huy động ít nhất 65% người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

c) Số đơn vị đạt chuẩn

210/210 xã, phường, thị trấn và 11/11 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi

1.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

a) Tiêu chuẩn

- Huy động 100% trẻ em ở độ tuổi 6 tuổi vào lớp 1;
- Đạt 97.5% trở lên số trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học, số trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi còn lại đang học các lớp tiểu học;
- Huy động ít nhất 85% người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

b) Điều kiện đạt chuẩn

Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ PGCD tiểu học đều đạt theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

c) Số đơn vị đạt chuẩn

Phần đầu 210/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3. 11/11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

1.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

a) Tiêu chuẩn

- Huy động 7 lớp 76 học viên học các lớp Bổ túc THCS (*Danh sách các đơn vị mở lớp theo Phụ lục 1 đính kèm*).
- Độ tuổi 15-18 có bằng tốt nghiệp THCS đạt tỉ lệ 96% trở lên.
- Số thanh niên, thiếu niên 15 đến 18 tuổi đang học chương trình GDPT, GDTX, GDNN, đạt 84%.
- Huy động ít nhất 85% người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

b) Điều kiện đạt chuẩn

Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ PGCD trung học cơ sở đều đạt theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

c) Số đơn vị đạt chuẩn

- Phần đầu có 169/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3; có 40/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD Trung học cơ sở mức độ 2; có 1/210 xã đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 1.

- 9/11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2; 02/11 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD Trung học cơ sở mức độ 3. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2.

1.4. Xóa mù chữ

a) Tiêu chuẩn

- Huy động 18 lớp 426 học viên học các lớp XMC và Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (*Danh sách các đơn vị mở lớp theo Phụ lục 2 đính kèm*).

- 99,9% người trong độ tuổi 15 – 35 biết chữ mức độ 1 (hoàn thành lớp 3) và 99.6% biết chữ mức độ 2 (hoàn thành lớp 5).

- 99.6% trở lên người trong độ tuổi 15 – 60 biết chữ mức độ 1 và 97% trở lên người biết chữ mức độ 2.

b) Điều kiện đạt chuẩn

Về người dạy và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Xóa mù chữ đều đạt theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

c) Số đơn vị đạt chuẩn

Phân đầu 209/210 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 1/210 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1. 11/11 huyện, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, qua các hội nghị để cán bộ và nhân dân hiểu đúng về ý nghĩa, tầm quan trọng và trách nhiệm trong việc thực hiện PCGD, XMC.

- Các đơn vị thường trực Ban chỉ đạo xây dựng XHHT và PCGD chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban thư ký xây dựng XHHT và PCGD; ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo công tác PCGD, XMC;

- Các ban, ngành thành viên Ban chỉ đạo xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác PCGD, XMC theo chức năng riêng của từng ngành.

- Tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị dạy học tại các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở nhằm đảm bảo các điều kiện đạt chuẩn PCGD, XMC.

- Tổ chức các Hội nghị tập huấn triển khai, hướng dẫn về công tác PCGD, XMC.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo các chuyên đề, tổ chức dự giờ thăm lớp, áp dụng hình thức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, nâng cao chất lượng bài soạn, đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng đồ dùng, thí nghiệm, tổ chức sinh hoạt truyền thống nhằm duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng đối với các lớp phổ cập theo phương thức chính qui.

- Các trường THPT, Trung tâm GDTX, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp cung cấp danh sách học sinh đang học và danh sách học sinh tốt nghiệp cho các phòng GD&ĐT phục vụ công tác điều tra, thống kê biểu mẫu PCGD, XMC.

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương huy động các đối tượng mù chữ, có nguy cơ tái mù chữ, các đối tượng bỏ học THCS ra học các lớp xóa mù chữ, Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, bổ túc THCS. Huy động và duy trì đảm bảo số lượng học sinh mầm non và phổ thông ra lớp.

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tạo phong trào toàn dân chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung, trong đó có phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tập trung các nguồn lực (ngân sách, cơ sở vật chất, đội ngũ) cho PCGD, XMC.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS, Xóa mù chữ năm 2018.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác PCGD, XMC.

- Tổng điều tra PCGD, XMC vào tháng 9/2018; tiến hành đăng nhập chính xác số liệu vào Hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, XMC đảm bảo thời gian quy định.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá PCGD, XMC của xã, phường, thị trấn và huyện, thành phố, đề nghị UBND tỉnh công nhận các huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC thời điểm tháng 11 năm 2018.

3. Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo quy định của nhà nước và các nguồn huy động từ xã hội hóa giáo dục cho công tác PCGD, XMC.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2018, đề nghị Ban chỉ đạo xây dựng XHHT và PCGD các huyện, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về thường trực Ban chỉ đạo xây dựng XHHT và PCGD tỉnh (Sở GD&ĐT) để xem xét, giải quyết./. *AK*

Nơi nhận:

- Các thành viên BCĐ XDXHHT&PCGD tỉnh;
- Ban chỉ đạo XDXHHT&PCGD huyện, TP;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng CN, CM, NV Sở;
- Các phòng GD&ĐT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website ngành;
- Lưu TT (HK50)

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Bùi Trọng Đắc**



KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG HỌC VIÊN CÁC LỚP PCGD, XMC 2018

(Kèm theo Kế hoạch số 108/KH-BCĐ ngày 22/01/2018 của Ban chỉ đạo XD XHHT và PCGD tỉnh Hòa Bình)

1. Số lớp, học viên học Xóa mù chữ và Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ

Đơn vị	Tổng số		Trong đó									
	Số lớp	Số HV	Xóa mù chữ						GDTT sau khi biết chữ			
			Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 1		Mức 2	
			Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV
Cao Phong	2	57									2	57
Đà Bắc	5	124					1	27	2	50	2	37
Kim Bôi												
Kỳ Sơn	1	15					1	15				
Lạc Sơn	1	20									1	20
Lạc Thủy												
Lương Sơn												
Mai Châu	3	60			1	20	1	20			1	20
Tân Lạc	03	75					01	8			2	67
Thành phố												
Yên Thủy	3	75							1	25	2	40
Cộng	18	426			1	20	4	70	3	75	10	241

2. Số lớp, học viên học Bổ túc THCS

Đơn vị	Tổng số		Trong đó							
	Số lớp	Số HV	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
			Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV
Cao Phong										
Đà Bắc	1	15	1	15						
Kim Bôi										
Kỳ Sơn	1	10					1	10		
Lạc Sơn	1	12							1	12
Lạc Thủy										
Lương Sơn										
Mai Châu	2	20	1	6			1	14		
Tân Lạc	2	19	1	9	1	10				
Thành phố										
Yên Thủy										
Cộng	7	76	3	30	1	10	2	24	1	12



KẾ HOẠCH ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN, CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN PCGD, XMC NĂM 2018

Phụ lục 02

(Kèm theo Kế hoạch số 128 /KH-BCĐ ngày 22 /01/2018 của Ban chỉ đạo XD XHHT và PCGD tỉnh Hòa Bình)

TT	Đơn vị (Huyện, TP)	Tổng số xã	Số xã đạt chuẩn PCMN 5 tuổi	Xóa mù chữ			PCGD Tiểu học				PCGD THCS			
				Số xã đạt chuẩn Mức 1	Số xã đạt chuẩn Mức 2	Huyện đạt chuẩn Mức độ	Số xã đạt chuẩn Mức độ 1	Số xã đạt chuẩn Mức độ 2	Số xã đạt chuẩn Mức độ 3	Huyện đạt chuẩn Mức độ	Số xã đạt chuẩn Mức 1	Số xã đạt chuẩn Mức 2	Số xã đạt chuẩn Mức 3	Huyện đạt chuẩn Mức độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Cao Phong	13	13		13	2			13	3		4	9	2
2	Đà Bắc	20	20		20	2			20	3		2	18	2
3	Kim Bôi	28	28		28	2			28	3		8	20	2
4	Kỳ Sơn	10	10		10	2			10	3			10	3
5	Lạc Sơn	29	29		29	2			29	3		9	20	2
6	Lạc Thủy	15	15		15	2			15	3		1	14	2
7	Lương Sơn	20	20		20	2			20	3		1	19	2
8	Mai Châu	23	23	1	22	2			23	3	1	12	10	2
9	Tân Lạc	24	24		24	2			24	3		1	23	2
10	Thành phố	15	15		15	2			15	3			15	3
11	Yên Thủy	13	13		13	2			13	3		2	11	2
	Cộng	210	210	1	209	2			210	3	1	40	169	2

Ghi chú: - Số xã: Bao gồm cả xã, phường, thị trấn.

- Xã đạt chuẩn mức 2 thì đã đạt chuẩn mức 1, đạt chuẩn mức 3 thì đã đạt chuẩn mức độ 1, 2.